TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HN-ST

Ngày: 04-12-2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng

2. Bà Phạm Thị Thu Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2025/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu C, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Địa chỉ cư trú: ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Chị C, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/8/2025 và trong quá trình tố tụng, chị Phạm Thị Thu C trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Lý do: Chị và anh T do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2008. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống và về kinh tế gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 12/02/2008. Khi ly hôn, chị đề nghị trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu C; Con chung: Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 12/02/2008, khi ly hôn, chị Phạm Thị Thu C được trực tiếp nuôi con. Chị Phạm Thị Thu C không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con, không xem xét. Tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu C không yêu cầu, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết. Nợ chung: Chị Phạm Thị Thu C trình bày không có, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu C, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*,

nuôi con chung”. Trong đó xác định chị Phạm Thị Thu C là nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Phạm Thị Thu C có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu C, thấy rằng:

Khi thực hiện xác minh, bà Tạ Thị Ánh N là mẹ ruột của chị C cung cấp thông tin: Hôn nhân của Phạm Thị Thu C và Nguyễn Thanh T là do tự hai con quen biết, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (cũ). Sau khi cưới, chị C về sống chung với bên chồng. Do mẹ chồng khó tính nên không sống chung được, ra ở riêng. Quá trình vợ chồng sống chung, bà biết chị C phải tự làm lo cho con, còn anh T đi làm hồ có tiền nhưng không lo gì cho gia đình. Khi con còn nhỏ, anh T còn lo phụ chút ít nhưng khi con lớn và đi học thì không lo gì nữa. Bà cũng có la gầy 02 con nhưng khuyên không được. Anh T còn có mối quan hệ với người khác, chị C có đi bắt ghen tới tận nhà nhưng anh T không bỏ. Hiện nay anh T với người đó cùng đi mua bán chung. Chị C và anh T đã không sống chung cách nay 05 - 06 năm, chị C đi mướn nhà trọ rồi đi bán cơm lâu lâu mới về nhà dọn dẹp. Trước khi chị C xin ly hôn thì anh T thách chị C nói là gởi đơn đi anh T đi hầu Toà nhưng khi Toà án mời thì anh không đi. Chị C và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T1, hiện con đang sống chung với chị C, đã nghỉ học và đi làm kiếm tiền được.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh T là có thật. Nguyên nhân theo chị C bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh T không đến, điều đó chứng minh anh T không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với chị C. Nay chị C vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 12/02/2008. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Khi được hỏi ý kiến Nguyễn Thanh T1 muốn

sống chung với chị C do đã sống chung với mẹ từ nhỏ nên để chị C trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, hiện Nguyễn Thanh T1 cũng đã đi làm có thu nhập, không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị C trình bày không yêu cầu, anh T vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị C trình bày không có, anh T vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị C chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu C.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phạm Thị Thu C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 12/02/2008. Khi ly hôn, chị Phạm Thị Thu C được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Phạm Thị Thu C không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu C trình bày không yêu cầu, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Thu C trình bày không có, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Phạm Thị Thu C phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004337 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng